

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TPL23B1KH
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

ST T	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Tiếng anh(4)	Nghề vụ ĐK và QL hộ tịch(2)	Pháp luật về công chứng, chứng thực(1)	Luật Hôn nhân và Gia đình(2)	Luật Thuế(1)	Luật Tài chính(2)	Luật Thương mại(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2353801015277	Nguyễn Trung An	19/05/1987	9.0	9.0	9.4	7.7	6.0	9.1	7.9	7.2	8.1	Giỏi
02	2353801015278	Huỳnh Văn Chiến	10/07/1977	8.3	8.2	9.7	7.7	5.9	7.3	5.7	6.3	7.4	Khá
03	2353801015279	Nguyễn Bé Dur	04/05/1982	8.3	6.7	9.9	6.8	5.6	7.3	5.6	7.5	7.0	Khá
04	2353801015280	Lê Thanh Dũng	01/01/1965	8.2	8.1	9.9	8.1	5.9	9.4	6.3	7.2	7.8	Khá
05	2353801015281	Huỳnh Văn Đèo	18/03/1988	9.8	8.4	9.6	7.7	6.2	9.7	6.5	6.9	7.8	Khá
06	2353801015282	Nguyễn Tạ Trúc Giang	19/09/1982	9.0	8.9	9.9	7.7	5.6	8.8	6.8	8.4	8.1	Giỏi
07	2353801015283	Nguyễn Thị Giang	21/06/1990	9.4	9.2	9.9	8.0	5.9	9.7	7.9	7.5	8.4	Giỏi
08	2353801015284	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	01/11/1985	9.4	8.5	8.4	7.4	5.3	8.1	7.0	6.6	7.4	Khá
09	2353801015285	Lê Minh Hiền	20/02/2001	8.0	8.2	8.8	7.7	5.2	7.6	5.9	7.8	7.4	Khá
10	2353801015286	Nguyễn Văn Hiền	06/12/1983	9.0	9.4	9.9	7.7	5.9	9.4	8.5	6.3	8.3	Giỏi
11	2353801015287	Thái Xuân Hoàng	02/09/1988	9.9	9.6	9.7	7.7	7.8	9.1	8.5	6.3	8.6	Giỏi
12	2353801015289	Huỳnh Quốc Huy	18/10/1993	9.0	8.4	9.9	7.7	5.9	9.1	7.3	7.2	7.9	Khá
13	2353801015290	Nguyễn Hoàng Khanh	01/12/1982	9.7	8.2	9.9	7.7	4.1	7.2	6.1	7.2	7.3	Khá
14	2353801015291	Nguyễn Thị Diễm Kiều	14/03/1985	9.6	8.7	9.7	7.7	6.2	9.7	6.3	6.9	7.9	Khá
15	2353801015292	Phạm Thị Mỹ Lệ	04/05/1983	9.7	8.4	9.9	6.8	5.9	7.8	8.1	7.5	7.9	Khá
16	2353801015293	Ngô Văn Năm	19/11/1975	8.2	5.8	9.4	7.6	5.6	8.7	7.9	6.9	7.1	Khá
17	2353801015294	Trịnh Thị Kim Ngân	15/11/1993	9.6	9.3	9.9	7.7	5.9	8.4	7.5	7.5	8.2	Giỏi
18	2353801015295	Trần Văn Nghé	19/05/1985	9.2	8.9	9.9	8.1	5.9	6.9	6.8	6.9	7.8	Khá
19	2353801015296	Huỳnh Văn Nghĩa	08/05/1974	8.9	8.1	9.9	7.6	6.5	8.2	5.6	6.9	7.6	Khá
20	2353801015297	Nguyễn Đức Nhã	20/05/1974	9.2	7.8	9.7	7.7	5.4	6.9	8.6	6.9	7.6	Khá
21	2353801015298	Lê Thành Nhân	10/05/1988	9.7	8.9	9.9	8.0	6.4	7.2	6.5	7.5	8.0	Giỏi
22	2353801015368	Lê Thị Ngọc Thảo	12/08/1987	8.9	9.2	9.9	7.7	5.9	8.5	8.0	7.5	8.3	Giỏi
23	2353801015375	Nguyễn Minh Thuận	19/09/2003	9.3	9.4	9.7	7.7	5.9	8.8	6.9	8.4	8.3	Giỏi

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 23 tháng 12 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái